

Test Report / Báo cáo Kết quả Phân tích

VLAT 1.1712
ISO/IEC 17025:2017

Code/ Mã số : SKS20251469-01

Date/ Ngày : 13/10/2025

Client's name/ Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Address/ Địa chỉ : Số 128 Nguyễn Thị Xinh, Phường Thới An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Sample information/ Thông tin mẫu : Nước thải - Nước thải tại đầu ra của hồ lưu nước thải sau khi xử lý - 25.0370.NT1 - NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Sample description/ Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
Sample matrix/ Nền mẫu : Nước thải
Source of sample/ Nguồn mẫu : Mẫu nhận từ khách hàng
Sample received on/ Ngày nhận mẫu : 02/10/2025
Sample tested on/ Ngày phân tích : 02/10/2025

Testing Results / Kết quả phân tích

No. / STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD, RANGE/ Giới hạn phát hiện, Khoảng đo	Test Method/ Phương pháp phân tích
1.	Cadimi (Cd) (*)	mg/L	ND	0,0002	SMEWW 3113B:2023
2.	Đồng (Cu) (*)	mg/L	ND	0,03	SMEWW 3111B:2023
3.	Chì (Pb) (*)	mg/L	ND	0,0015	SMEWW 3113B:2023
4.	Kẽm (Zn) (*)	mg/L	0,148	0,03	SMEWW 3111B:2023
5.	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/L	0,0029	0,0003	SMEWW 3112B:2023

NOTE/ GHI CHÚ:

- This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- (*): Parameter are accredited Ministry of Natural Resources and Environment/ Thông số được chứng nhận của Bộ TNMT (VIMCERTS 330)
- ND: Not detected/ Không phát hiện

Laboratory/ Phòng thử nghiệm



NGUYỄN THỊ HỒNG TUYỀN



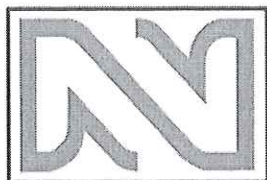
Director/ Giám đốc

PHAN BẢO QUỲNH

The information in this report reflects the conditions at the time of testing and the Client's guidelines. The company's sole responsibility is to the Client, We accept no liability or duty of care to any third parties in relation to this report. This report cannot be reproduced (unless in full) without the written consent of Sac Ky Sai Gon. Any unauthorized alteration, falsification, or misrepresentation of the content or appearance of this document is unlawful./ Những thông tin trong bản kết quả này chỉ phản ánh tại thời điểm thử nghiệm và trong phạm vi hướng dẫn của khách hàng. Trách nhiệm duy nhất của công ty là đối với khách hàng, chúng tôi không chịu bất kỳ trách nhiệm và nghĩa vụ chăm sóc nào đối với bên thứ ba liên quan đến báo cáo này. Không được sao chép một phần (trừ khi toàn bộ) nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Sắc Ký Sài Gòn. Bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều là trái pháp luật.

SAC KY SAI GON., JSC (SKS)

SKS Laboratory & Office: 40/7 Dong Hung Thuan 14b Street, Quarter 4, Dong Hung Thuan Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam
W: www.sackysaigon.com/ www.sackysaigon.vn E: cs@sackysaigon.com/ info@sackysaigon.com P: (+84) 9 3287 3278



Số: 0370.NT.1.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
Địa chỉ lấy mẫu : **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT1
Thông tin lấy mẫu : Nước thải tại đầu ra của hồ lưu nước thải sau khi xử lý
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1.	Nhiệt độ ^(*) (a)	°C	27,8	4 ÷ 55 °C	40	SMEWW 2550:2017
2.	pH ^(*) (a)	-	8,73	2 ÷ 12	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS ^(a)	mg/L	14,0	4,0	100	TCVN 6625:2000
4.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	10,5	1,0	50	SMEWW 5210B:2017
5.	COD ^(a)	mg/L	27,1	3,0	150	SMEWW 5220C:2017
6.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	1,20	0,3	-	SMEWW 5520B&F:2017
7.	Tổng Nito ^(a)	mg/L	KPH	2,0	40	TCVN 6638:2000
8.	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	0,080	0,03	6	SMEWW 4500-P.B&E:2017

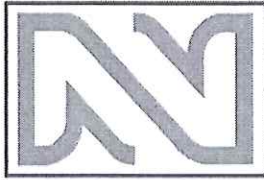
1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của

Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.1.1(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
9.	Clorua ^(a)	mg/L	45,4	5,0	1.000	TCVN 6194:1996
10.	Sulfua ^(a)	mg/L	0,380	0,07	0,5	SMEWW 4500-S ² .B&D:2017
11.	Crom (VI) ^(a)	mg/L	KPH	0,003	0,1	SMEWW 3500-Cr.B:2017
12.	Sắt ^(a)	mg/L	KPH	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
13.	Coliform ^(a)	MPN/100mL	230	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



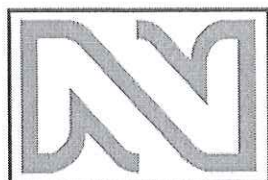
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0370.NT.2.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT2
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà điều khiển/thí nghiệm
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

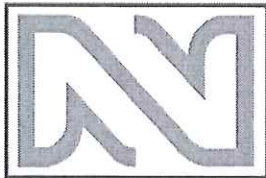
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(*) (a)(27,7°C)	-	8,54	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^(a)	mg/L	34,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	34,5	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
4.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,750	0,3	24	SMEWW 5520B&F:2017
5.	Tổng các CHĐBM ^(a)	mg/L	0,100	0,03	12	SMEWW 5540B&C:2017
6.	Photphat ^(a)	mg/L	10,4	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
7.	Amoni ^(a)	mg/L	10,7	1,0	12	TCVN 5988:1995
8.	Nitrat ^(a)	mg/L	1,26	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ -E: 2017
9.	Sulfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
10.	Sắt ^(a)	mg/L	KPH	0,05	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.2.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
11.	Coliform ^(a)	MPN/100mL	220	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



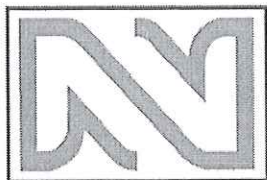
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0370.NT.3.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT3
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà ăn
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

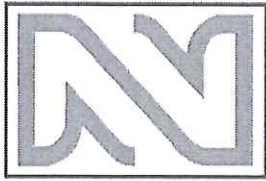
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(*) (a)(27,8°C)	-	8,16	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^(a)	mg/L	14,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	17,5	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
4.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,650	0,3	24	SMEWW 5520B&F:2017
5.	Tổng các CHĐBM ^(a)	mg/L	0,120	0,03	12	SMEWW 5540B&C:2017
6.	Photphat ^(a)	mg/L	1,42	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
7.	Amoni ^(a)	mg/L	10,2	1,0	12	TCVN 5988:1995
8.	Nitrat ^(a)	mg/L	0,711	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2017
9.	Sulfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.3.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
10.	Sắt ^(a)	mg/L	KPH	0,05	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017
11.	Coliform ^(a)	MPN/ 100mL	4.600	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



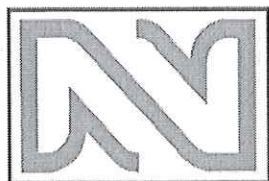
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0370.NT.4.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT4
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại văn phòng
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

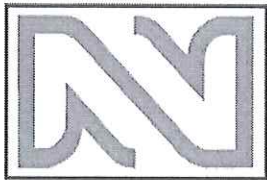
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(*) (a)(27,9°C)	-	8,27	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^(a)	mg/L	10,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	14,3	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
4.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,80	0,3	24	SMEWW 5520B&F:2017
5.	Tổng các CHĐBM ^(a)	mg/L	0,08	0,03	12	SMEWW 5540B&C:2017
6.	Photphat ^(a)	mg/L	1,18	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
7.	Amoni ^(a)	mg/L	9,52	1,0	12	TCVN 5988:1995
8.	Nitrat ^(a)	mg/L	0,642	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ -E: 2017
9.	Sulfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
10.	Sắt ^(a)	mg/L	0,08	0,05	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.4.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
11.	Coliform ^(a)	MPN/100mL	400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



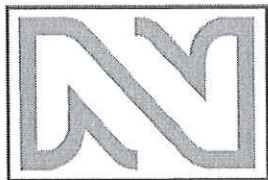
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0370.NT.5.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT5
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà bảo vệ (khu vực nhà máy)
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

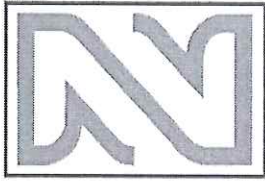
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(*) (a)(27,3°C)	-	2,61	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^(a)	mg/L	6,00	4,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	42,7	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
4.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,700	0,3	24	SMEWW 5520B&F:2017
5.	Tổng các CHĐBM ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540B&C:2017
6.	Photphat ^(a)	mg/L	1,88	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
7.	Amoni ^(a)	mg/L	9,02	1,0	12	TCVN 5988:1995
8.	Nitrat ^(a)	mg/L	0,642	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E: 2017
9.	Sulfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.5.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
10.	Sắt ^(a)	mg/L	0,240	0,05	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017
11.	Coliform ^(a)	MPN/ 100mL	11	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

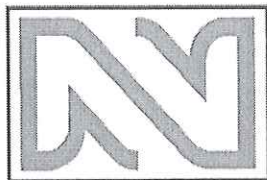
Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- 2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
- 3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- 4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0370.NT.6.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT6
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà bảo vệ (Khu vực kho chứa sản phẩm)
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

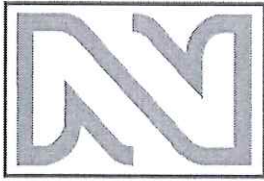
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(*) (a)(28,2°C)	-	6,91	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^(a)	mg/L	8,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	16,2	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
4.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,85	0,3	24	SMEWW 5520B&F:2017
5.	Tổng các CHĐBM ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540B&C:2017
6.	Photphat ^(a)	mg/L	4,63	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
7.	Amoni ^(a)	mg/L	9,91	1,0	12	TCVN 5988:1995
8.	Nitrat ^(a)	mg/L	0,82	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ -E: 2017
9.	Sulfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
10.	Sắt ^(a)	mg/L	0,08	0,05	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.6.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
11.	Coliform ^(a)	MPN/100mL	410	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

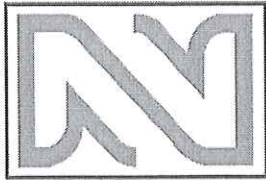
Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- 2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
- 3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- 4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0370.NT.7.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT7
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại phòng điều khiển
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

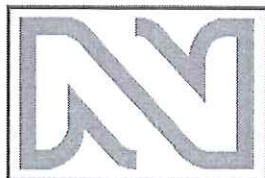
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(*) (a)(28,0°C)	-	7,61	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^(a)	mg/L	8,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	46,5	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
4.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,80	0,3	24	SMEWW 5520B&F:2017
5.	Tổng các CHĐBM ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540B&C:2017
6.	Photphat ^(a)	mg/L	5,32	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
7.	Amoni ^(a)	mg/L	8,34	1,0	12	TCVN 5988:1995
8.	Nitrat ^(a)	mg/L	0,406	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E: 2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.7.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
9.	Sulfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
10.	Sắt ^(a)	mg/L	0,070	0,05	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017
11.	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.700	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



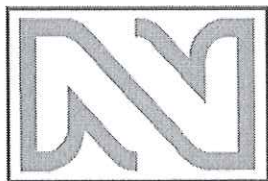
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0370.NT.8.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT8
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà kho/Xưởng
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

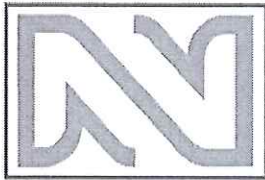
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(*) (a)(27,5°C)	-	7,61	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^(a)	mg/L	16,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	34,5	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
4.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,800	0,3	24	SMEWW 5520B&F:2017
5.	Tổng các CHĐBM ^(a)	mg/L	0,100	0,03	12	SMEWW 5540B&C:2017
6.	Photphat ^(a)	mg/L	1,04	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
7.	Amoni ^(a)	mg/L	10,0	1,0	12	TCVN 5988:1995
8.	Nitrat ^(a)	mg/L	0,522	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E: 2017
9.	Sulfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ² -.B&D:2017
10.	Sắt ^(a)	mg/L	0,080	0,05	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.8.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
11.	Coliform ^(a)	MPN/100mL	22	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

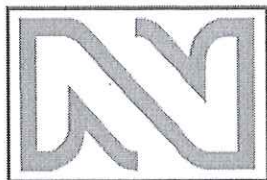
Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- 2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
- 3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- 4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.9.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
Địa chỉ lấy mẫu : **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT9
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại phòng điều khiển khu vực cảng xuất sản phẩm
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

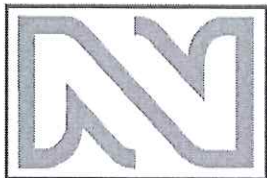
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(*) (a)(28,2°C)	-	6,01	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^(a)	mg/L	6,00	4,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	1,08	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
4.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,750	0,3	24	SMEWW 5520B&F:2017
5.	Tổng các CHĐBM ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540B&C:2017
6.	Photphat ^(a)	mg/L	0,519	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
7.	Amoni ^(a)	mg/L	1,57	1,0	12	TCVN 5988:1995
8.	Nitrat ^(a)	mg/L	4,62	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ -E: 2017
9.	Sulfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.9.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
10.	Sắt ^(a)	mg/L	KPH	0,05	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017
11.	Coliform ^(a)	MPN/100mL	40	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



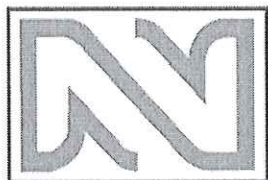
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0370.NT.10.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT1
Thông tin lấy mẫu : Nước thải tại đầu ra của hồ lưu nước thải sau khi xử lý
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	DO ^(b)	mg/L	3,6	0 ÷ 16	-	TCNV 7325:2016

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

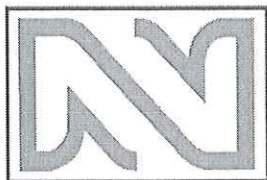
Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- 2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
- 3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- 4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0370.KK.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
Địa chỉ lấy mẫu : **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : **Tiếng ồn, độ rung**
Mô tả mẫu : **Mẫu đo trực tiếp tại hiện trường**
Ngày lấy mẫu : **30/09/2025** Lần ban hành : **01**
Mã số mẫu : **25.0370.KK1 – KK2**
Thông tin lấy mẫu : **KK1 – Khu vực gần cụm thiết bị nén (Khu vực máy nén dầu ra)**
KK2 – Khu vực cụm nén khí (Máy nén khí điều khiển)

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA
2	Độ rung ^{(a)(*)}	TCVN 6963:2001	20 ÷ 150 dB

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

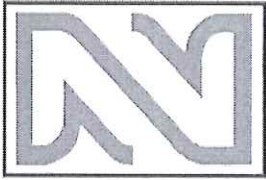
Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Tiếng ồn	Độ rung
Đơn vị	-	dBA	dB
1. Khu vực gần cụm thiết bị nén (Khu vực máy nén dầu ra) (25.0370.KK1)	10h30	60,8	58,4
2. Khu vực cụm nén khí (Máy nén khí điều khiển) (25.0370.KK2)	9h50	61,5	52,3
QCVN 26:2010/BTNMT		6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-
QCVN 27:2010/BTNMT		-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 60

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.KK.(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- 2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
- 3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- 4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017